

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **114 /2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 30 - 9 -2022

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Vũ Đức L, sinh năm: 1974

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn ông Vũ Đức L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29, quyền số 01/2008, ngày 12/3/2008. Ông và bà L1 chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, liên tục kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, trong cuộc sống thiếu tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1.

Về con chung: Ông và bà L1 có 02 người con chung, họ tên là Vũ Giang L2, sinh năm 2000 và Vũ Hồng P sinh năm 2007. Tùy theo nguyện vọng của

cháu Phúc muốn ở với ai thì ông cũng đồng ý. Đối với cháu Long đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của ông Vũ Đức L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1 cư trú tại thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; ông L và bà L1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn ông L vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông L và bà L1 tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, nảy sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, sự việc này cũng đã được đại diện ban quản lý thôn nơi ông L, bà L1 cư trú xác nhận. Như vậy, ông L và bà L1 đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa ông L và bà L1 lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay ông L yêu cầu ly hôn với bà L1. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông L và bà L1 có 02 người con chung, họ tên là Vũ Giang L2, sinh ngày 30/5/2000 và Vũ Hồng P sinh ngày 20/3/2007. Sau khi ly hôn ông L tùy theo nguyện vọng của cháu Phúc ở với ai thì ông cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Phúc cho rằng ở với mẹ cháu bà Nguyễn Thị L1 thường xuyên hơn. Vì vậy, cần giao cháu Vũ Hồng P sinh ngày 20/3/2007 cho bà Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Vũ Giang L2, sinh ngày 30/5/2000 đã thành niên các đương sự

không yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Đương sự phải nộp theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; **Điều 81,82,83,84** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức L. Ông Vũ Đức L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29, quyền 01/2008, ngày 12/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh ông có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vũ Hồng P sinh ngày 20/3/2007 cho bà Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Vũ Giang L2, sinh ngày 30/5/2000 đã thành niên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Đức L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0000552 ngày 15/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Hà**